TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST
Ngày 26-12-2025
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Bời;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lăng Thị Em - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 -Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19-12-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tạ Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã H (trước đây là thôn T, xã T, huyện V), tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn T, xã H (trước đây là thôn T, xã T, huyện V), tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Người làm chứng: Ông Tạ Văn S, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn T, xã H (trước đây là thôn T, xã T, huyện V), tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20-6-2025 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tạ Văn C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H được tự do tìm hiểu yêu nhau và tự nguyện đến với nhau không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn ngày 28-8-2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Bắc Ninh (trước đây là Ủy ban nhân dân xã

M, huyện H, tỉnh Bắc Giang). Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng tình cảm bình thường đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, bà Lê Thị H không tu trí làm ăn, không quan tâm đến chồng con, từ đó dẫn đến tình cảm không còn, vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị H có 01 con chung là Tạ Quốc T, sinh ngày 21-12-2003, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tạ Văn C được tự do tìm hiểu yêu nhau và tự nguyện đến với nhau không ai ép buộc, có cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 28-8-2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Bắc Ninh (trước đây là Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang). Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường đến tháng 4 năm 2025 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông Tạ Văn C xin ly hôn bà không nhất trí vì vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Tạ Văn C có 01 con chung là Tạ Quốc T, sinh ngày 21-12-2003, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật như viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, quá trình giải quyết Toà án đã triệu tập hợp lệ, thông báo cho bị đơn đến Toà án để giải quyết vụ án tuy nhiên bị đơn chỉ đến toà và đề nghị Toà án lấy lời khai vào ngày 28-8-2025 kể từ sau đó bị đơn được triệu tập và thông báo nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228;

Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Tạ Văn C. Ông Tạ Văn C được ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Có 01 con chung là Tạ Quốc T, sinh ngày 21-12-2003, đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Tạ Văn C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H có 01 con chung đã thành niên và không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Tạ Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị H nên xác định quan hệ tranh chấp là "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Tạ Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị H, do bà Lê Thị H có địa chỉ tại thôn T, xã H (trước đây là thôn T, xã T, huyện V), tỉnh Lạng Sơn nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn (trước đây là Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn ông Tạ Văn C, bị đơn bà Lê Thị H và người làm chứng ông Tạ Văn S. Xét thấy ông Tạ Văn C đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn quá trình giải quyết Toà án đã lấy lời khai và để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của bị đơn Toà án đã triệu tập hợp lệ đồng thời niêm yết và đăng thông tin trên cổng thông tin điện tử, đăng tin trên B theo quy định tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và xin vắng mặt tại phiên toà. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H có đăng ký kết hôn ngày 28-8-2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Bắc Ninh (trước đây là Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bắc Giang), như vậy quan hệ hôn nhân giữa

ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H là hợp pháp. ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống cùng nhau chưa phát sinh mâu thuẫn, nhưng sau đó có những mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông Tạ Văn C xác định tình cảm không còn nên đề nghị được ly hôn với bà Lê Thị H. Tuy bà Lê Thị H không đồng ý ly hôn, nhưng kể từ khi Toà án thụ lý và giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành triệu tập bà Lê Thị H nhiều lần đồng thời niêm yết và đăng thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định để thông báo cho bà Lê Thị H đến Toà án để tham gia tố tụng, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình và hoà giải hàn gắn tình cảm với ông Tạ Văn C tuy nhiên bà Lê Thị H vắng mặt không có lý do; ngoài ra từ đó đến nay bà Lê Thị H cũng không liên lạc với ông Tạ Văn C, ông Tạ Văn C có gọi điện thoại nhưng bà Lê Thị H cũng không nghe máy, từ đó cho thấy bà Lê Thị H không mong muốn hàn gắn tình cảm để tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông Tạ Văn C. Tại Công văn số 382/UBND-VP ngày 25-8-2025 của Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân có cung cấp thông tin: Tình trạng hôn nhân của ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và có báo cho Hội Phụ nữ thôn đến hoà giải tuy nhiên không lập biên bản, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H đã ly thân từ cuối năm 2018. Ngoài ra ông Tạ Văn S là anh trai sinh sống cùng nhà với vợ chồng ông Tạ Văn C cũng cho biết ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H đã ly thân khoảng từ năm 2019 cho đến nay, hai vợ chồng không quan tâm đến nhau mỗi người có cuộc sống riêng. Như vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng giữa ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Tạ Văn C.

[5] Về con chung: Có 01 con chung là Tạ Quốc T, sinh ngày 21-12-2003, đã thành niên, không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H đều trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung không có. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về lệ phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do ông Tạ Văn C là người yêu cầu thông báo nên phải chịu toàn bộ chi phí theo quy định. Xác nhận ông Tạ Văn C đã nộp đủ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Tạ Văn C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn để nộp Ngân sách Nhà nước.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 35 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Tạ Văn C. Ông Tạ Văn C được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Về án phí: Ông Tạ Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số BLTU/25E/0000031 ngày 17-7-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Tạ Văn C và bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 2 – Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoàng Văn Thụ; T. Lạng Sơn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Linh